

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 418/2020/HC-PT
Ngày 20 tháng 8 năm 2020
V/v khiếu kiện “Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 49/2020/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc khiếu kiện “*Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 726/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa;

Người khởi kiện:

Bà Phạm Thị Hồng Ch, sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Ch, xã C, huyện T, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Hồng Ch:
Luật sư Phan Duy V, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ththuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt);

Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;

Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Văn D – Chủ tịch UBND tỉnh Đ (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Phường 1, thành phố C, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Huỳnh Văn Ng – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn S – Chủ tịch UBND huyện T (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn Nh – Phó Chủ tịch UBND huyện T (Văn bản ủy quyền ngày 23/8/2019) (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 323, Đường Ng, Ấp 3, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Tấn H – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Đ (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đ.

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ch, xã C, huyện T, Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Phạm Thị Hồng Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện - bà Phạm Thị Hồng Ch trình bày:

Cha bà Phạm Thị Hồng Ch là ông Phạm Văn B có tạo lập được diện tích đất 1.960 m², tọa lạc tại xã C, huyện T, tỉnh Đ từ trước năm 1975. Năm 1977, khi chiến tranh biên giới Tây Nam xảy ra thì cha bà cùng gia đình phải chạy giặc. Đến năm 1980, thì cha bà về lại phần đất cũ để làm ăn, sinh sống. Tuy nhiên, lúc này diện tích đất của cha bà đã bị Ủy ban nhân dân (Viết tắt UBND) xã C quản lý và lấy một phần sử dụng để làm Trụ sở Công an xã C. Ngoài ra, còn bị ông T (cha bà Th, ông Đ) lấn chiếm diện tích đất 120m². Cha bà đã khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền để đòi lại phần đất của mình.

Ngày 31/10/1996, UBND huyện T ban hành các Quyết định số 231/QĐ-UB về việc thu hồi của ông Nguyễn Văn Đ diện tích đất 120m² bao chiếm trái phép, buộc ông Đ phải di dời nhà ra khỏi diện tích đất trên; Quyết định số 234/QĐ-UB về việc quy hoạch mặt bằng để xây dựng trụ sở Công an xã C với diện tích 880m², bồi hoàn thành quả lao động cho ông B với số tiền 4.000đồng/m² x 880 m² = 3.520.000 đồng; Quyết định số 235/QĐ-UB về việc tạm giao cho ông Phạm Văn B diện tích đất 480m² (bao gồm cả diện tích đất 120m² của ông Đ bao chiếm) và Quyết định số 236/QĐ-UB về việc quy hoạch diện tích đất 600m² của ông Phạm Văn B làm lộ xã C, không bồi hoàn thành quả lao động cho ông Phạm Văn B.

Không đồng ý đối với các Quyết định số 234, 235 và 236 của UBND huyện T, cha bà là ông Phạm Văn B đã làm đơn khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 22/12/1998, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 613/QĐ-UB với nội dung thu hồi Quyết định số 231, 235/QĐ-UB ngày 31/10/1996 của UBND huyện T. Lý do là không phù hợp trình tự thủ tục luật định và giao trách nhiệm cho UBND huyện T xác lập thủ tục giải quyết việc tranh chấp giữa ông B và ông Đ, ông T theo quy định. Giữ nguyên các Quyết định số 234, 236/QĐ-UB ngày 31/10/1996 của UBND huyện T.

Ngày 29/10/1999, UBND huyện T ban hành Quyết định số 978/QĐ-UB, thu hồi diện tích đất 120m² do ông Đ bao chiếm trái phép để trả lại cho cha bà Phạm Văn B.

Không đồng ý đối với Quyết định nêu trên nên ông Đ, bà Th có đơn khiếu nại.

Ngày 28/6/2000, UBND huyện T ban hành Quyết định số 370/QĐ-UB bác đơn khiếu nại của ông Đ, bà Th. Giao diện tích đất 120m² cho bà Phạm Thị Hồng Ch quản lý sử dụng.

ông Đ, bà Th tiếp tục có đơn khiếu nại đến UBND tỉnh Đ.

Ngày 18/6/2001, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 279/QĐ-UB (Viết tắt Quyết định 279) hủy bỏ các Quyết định số 978/QĐ-UB ngày 29/10/1999 và Quyết định số 370/QĐ-UB ngày 28/6/2000 của UBND huyện T. Giữ nguyên hiện trạng diện tích đất 120m² cho bà Th được quyền sử dụng.

Tháng 7/2002, ông B chết. bà Ch là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, tiếp tục khiếu nại vụ việc đến cơ quan có thẩm quyền về việc không đồng ý đối với Quyết định 279 của UBND tỉnh Đ.

bà Ch cho rằng về nguồn gốc đất diện tích 120m² tại địa phương ai cũng biết là của cha bà đã sử dụng ổn định từ trước năm 1975 cho đến năm 1977 vì phải chạy giặc nên bỏ địa phương đi nơi khác. Đến năm 1980, cha bà quay trở về thì đã bị ông T là cha của bà Th lấn chiếm. Việc này đã được thể hiện rõ tại Quyết định số 231/QĐ-UB, ngày 31/10/1996 của UBND huyện T.

Ngoài ra, tại Biên bản ngày 03/4/1995 và Biên bản ngày 05/5/1995 chính ông T đã thừa nhận diện tích đất 120m² có nguồn gốc là của cha bà. Đồng thời, ông T xin được trả thành quả lao động trên đất nhưng không được cha bà đồng ý.

Vào ngày 15/11/2006, UBND huyện T mời bà lên trụ sở giải quyết việc bà khiếu nại Quyết định số 234/QĐ-UB ngày 31/10/1996 của UBND huyện T thì Chủ tịch Ủy ban có thỏa thuận và hứa nếu bà không tiếp tục khiếu nại Quyết định số 234/QĐ-UB thì sẽ cấp cho bà diện tích 70m². Vị trí giáp lộ làng (cấp ranh đất 200m² đã trả lại cho bà trước đây) và được bà đồng ý. Nhưng cho đến nay đã 11 năm bà vẫn chưa được cấp phần diện tích đất như đã hứa.

Năm 2012, các cơ quan có thẩm quyền mới thi hành Quyết định 279. Tuy nhiên, cán bộ đo đạc lại làm không đúng với Sơ đồ quy hoạch ngày 13/01/1995 nên bà đã tiến hành khiếu nại.

Ngày 01/10/2015, Văn phòng UBND tỉnh Đ ban hành Công văn số 674/VPUBND-BTCD, giao UBND huyện T giải quyết theo thẩm quyền đối với nội dung khiếu nại của bà với bà Th nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Ngày 04/7/2017, bà Th ngang nhiên tiến hành xây dựng lấn chiếm ra ngoài phần diện tích đất tranh chấp 120m² mà bà Th đang sử dụng làm thay đổi hiện trạng đất. Lúc này bà có báo chính quyền xã C nhưng không được giải quyết thỏa đáng mà Công an xã còn xuống bảo vệ cho bà Th xây nhà.

Đến khoảng tháng 4 năm 2018, bà Ch nhận được Công văn số 59/UBND-TCD ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc trả lời khiếu nại của bà với nội dung: Thứ nhất, không đồng ý yêu cầu công nhận quyền sử dụng diện tích 480m² đất nương lộ của bà Ch bởi năm 1986 Nhà nước sử dụng lấy đất tôn cao mặt lộ nên hình thành nương lộ cho đến nay, gia đình bà Ch không sử dụng đối với phần đất này; Thứ hai, không đồng ý khiếu nại yêu cầu giao diện tích 70m² đất (vị trí tiếp giáp với diện tích 880m² Nhà nước sử dụng xây trụ sở Công an xã C) của bà do phần đất này thuộc hành lang an toàn giao thông.

Do đó bà Phạm Thị Hồng Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đ giải quyết hủy Quyết định 279 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Th với bà Phạm Thị Hồng Ch; hủy Công văn số 59/UBND-TCD ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc trả lời khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng Ch và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Th số BU270018 do UBND huyện T cấp ngày 28/4/2012, diện tích 120m².

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:

Ngày 31/10/1996, UBND huyện T ban hành các quyết định số 231/QĐ-UB về việc thu hồi diện tích 120m² ông Nguyễn Văn Đ bao chiếm trái phép; số 234/QĐ-UB về việc quy hoạch diện tích 880m² của ông Phạm Văn B để xây dựng trụ sở Công an xã C (có bồi hoàn thành quả lao động cho ông Phạm Văn B số tiền 3.520.000 đồng); số 235/QĐ-UB về việc tạm giao quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn B, diện tích 480m² (trong đó có 120 m² thu hồi của ông Nguyễn Văn Đ tại Quyết định số 231/QĐ-UB) và số 236/QĐ-UB về việc quy hoạch lộ xã C.

Ngày 22/12/1998, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 613/QĐ-UBND hủy bỏ các quyết định số 231, 235/QĐ-UB ngày 31/10/1996 của UBND huyện T, lý do không phù hợp với trình tự thủ tục, giao UBND huyện T giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật; đồng thời giữ nguyên các Quyết định số 234, 236/QĐ-UB ngày 31/10/1996 của UBND huyện T.

Ngày 29/10/1999, UBND huyện T ban hành Quyết định số 978/QĐ-UB về việc thu hồi 120m² đất ông Nguyễn Văn Đ bao chiếm trái pháp luật. Ông Nguyễn Văn Đ và vợ là Nguyễn Thị Th không thống nhất Quyết định số 978/QĐ-UB của UBND huyện T nên có đơn khiếu nại.

Ngày 28/6/2001, UBND huyện T ban hành Quyết định số 370/QĐ-UB bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Th; giao diện tích 120m² cho bà Phạm Thị Hồng Ch (là con ông Phạm Văn B) được quyền sử dụng. Bà Nguyễn Thị Th không thống nhất tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Đ.

Ngày 18/6/2001, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định 279 hủy bỏ các quyết định số 978/QĐ-UB ngày 29/10/1999; quyết định số 370/QĐ-UB ngày 28/6/2000 của UBND huyện T, giải quyết giữ nguyên hiện trạng diện tích 120m² cho bà Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng.

Ngày 29/6/2001, UBND huyện T tổng đạt Quyết định 279 cho bà Phạm Thị Hồng Ch. Ngày 05/01/2012, UBND huyện T tiến hành đo đạc, giao đất ngoài thực địa cho bà Nguyễn Thị Th theo Quyết định 279 đã có hiệu lực pháp luật. Tại biên bản làm việc ngày 05/01/2012, bà Nguyễn Thị Th có ý kiến đồng ý giữ nguyên hiện trạng nhà, diện tích 40m² cho bà Phạm Thị Hồng Ch.

Sau khi ông Phạm Văn B chết, bà Phạm Thị Hồng Ch được những người thừa kế hợp pháp của ông B cử làm đại diện để khiếu nại. Ngày 01/10/2015, Văn phòng UBND tỉnh Đ ban hành Công văn số 674/VPUBND-TCD về việc truyền đạt ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Đ, giao UBND huyện T xem xét theo thẩm quyền đối với diện tích 480m² (đo đạc thực tế 239m²) tại Quyết định số 235/QĐ-UB ngày 31/10/1996 của UBND huyện T (đã bị hủy bằng Quyết định số 613/QĐ-UB ngày 22/12/1998 của UBND tỉnh Đ). Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 19/11/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, bà Phạm Thị Hồng Ch có ký tên biên bản thừa nhận chỉ ranh mốc giới như sau: Tổng diện tích 293m² (trong đó diện tích 133m² đất hành lang an toàn giao thông, diện tích 120m² đã giao cho bà Nguyễn Thị Th theo Quyết định 279 và diện tích 40m² nhà của bà Phạm Thị Hồng Ch xây dựng vào năm 2010 cho người khác thuê ở.

Ngày 18/12/2016, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1383/QĐ-UB bác đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng Ch yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 480m² với lý do khiếu nại không có cơ sở, xét theo quy định tại khoản 5, Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 21/11/2017, Văn phòng UBND tỉnh Đ ban hành Công văn số 725/VPUBND-TCD truyền đạt ý kiến của UBND tỉnh Đ giao Chủ tịch UBND huyện T thu hồi Quyết định số 1383/QĐ-UB ngày 18/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện T; đồng thời ban hành thông báo không thụ lý đơn của bà Phạm Thị Hồng Ch; UBND huyện T quản lý, sử dụng diện tích 133m² vào mục đích giao thông theo đúng quy định.

Trước đó, ngày 10/12/2001 gia đình ông Phạm Văn B và con là bà Phạm Thị Hồng Ch đã được UBND huyện T xem xét điều kiện, hoàn cảnh và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 200m², thửa 3064, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã C, huyện T.

Căn cứ khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 (nay là khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013) Chủ tịch UBND tỉnh Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đ giữ nguyên Quyết định 279 và Công văn số 59/UBND-TCD ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Năm 1959, ông Phạm Văn B (là cha Phạm Thị Hồng Ch, Phạm Thị H1, Phạm Thị L, Phạm Tấn L1) được chính quyền Sài Gòn cấp diện tích 900m². Theo bà Ch trình bày, trong quá trình sử dụng, ông B có mở rộng thêm diện tích 1.060m² để làm rẫy, trồng hoa màu, nâng tổng diện tích sử dụng là 1.960m².

Trong diện tích này, quá trình sử dụng gia đình bà Ch có phát sinh tranh chấp diện tích 120m² với gia đình bà Nguyễn Thị Th, là người sử dụng đất liền kề. Ngày 31 tháng 10 năm 1996, UBND huyện T đã ban hành các quyết định số 231/QĐ-UB và quyết định số 235/QĐ-UB ngày 31 tháng 10 năm 1996 để giải quyết khiếu nại. Gia đình bà Th và ông Đ không thống nhất với các quyết định nêu trên nên tiếp tục khiếu nại.

Vụ việc sau đó đã được giải quyết bằng các quyết định số 613/QĐ-UB ngày 22 tháng 12 năm 1998 của UBND tỉnh Đ về việc hủy bỏ các quyết định số 231, 235/QĐ-UB ngày 31/10/1996 của UBND huyện T; quyết định số 978/QĐ-UB ngày 29 tháng 10 năm 1999 của UBND huyện T về việc thu hồi diện tích 120m² tranh chấp; quyết định số 370/QĐ-UB ngày 28 tháng 6 năm 2000 của UBND huyện T về việc bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Th, giao diện tích 120m² cho bà Phạm Thị Hồng Ch được quyền sử dụng. bà Th không thống nhất với quyết định của UBND huyện T nên tiếp tục khiếu nại.

Ngày 18 tháng 6 năm 2001, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định 279, hủy bỏ các quyết định số 978/QĐ-UB ngày 29/10/1999 và quyết định số 370/QĐ-UB ngày 28/6/2000 của UBND huyện T; giữ nguyên hiện trạng diện tích 120m² cho bà Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng. Theo đó, UBND huyện T đã tổ chức thực hiện Quyết định 279 và đã đo đạc cắm mốc, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th theo quy định.

Như vậy, vụ việc khiếu nại, tranh chấp của bà Phạm Thị Hồng Ch đã được UBND huyện T và UBND tỉnh Đ xem xét, giải quyết phù hợp thực tế và đảm bảo đúng quy định pháp luật. Do đó, UBND huyện T không thống nhất yêu cầu của người khởi kiện. Đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh xem xét giải quyết giữ y Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU270018 của bà Nguyễn Thị Th, được UBND huyện T cấp ngày 28/4/2012, diện tích 120m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Căn cứ vào Quyết định 279, UBND tỉnh Đ xác định phần đất tranh chấp có diện tích 120m², thuộc một phần thửa số 1971, tờ bản đồ số 01, xã C. Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn T (cha của bà Nguyễn Thị Th) và ông Phạm Văn B (cha của bà Phạm Thị Hồng Ch) được chính quyền Sài Gòn cấp đất ở từ năm

1959. Tuy nhiên, do chiến tranh nên các hộ dân di chuyển đi nơi khác sinh sống, toàn bộ diện tích trong khu vực bỏ hoang.

Năm 1980, chính quyền địa phương tiến hành cấp đất cho ông Nguyễn Văn T. Năm 1991, ông T giao lại cho con là bà Nguyễn Thị Th, sau đó bà Th xây dựng lại nhà mới trên cơ sở hiện trạng nền nhà cũ trước đó của cha mình để lại (1.000m² thuộc thửa số 19, tờ bản đồ số 01, xã C). Ngày 16/12/1992, ông T đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1995, ông Phạm Văn B cho rằng diện tích nền nhà ở của bà Th hiện nay lấn chiếm 120m² qua diện tích sử dụng của ông nên có đơn khiếu nại.

Về quá trình sử dụng đất của ông B, bà Th trình bày năm 1959, chính quyền Ngô Đình Diệm cấp đất cho ông B 900m² (trong quá trình sử dụng đất ông B có mở rộng thêm khu vực chung quanh nhưng không xác định rõ diện tích), do chiến tranh nên ông B không sử dụng đất.

Năm 1982, ông B trở về địa phương. Diện tích cũ của ông đã được UBND xã C trưng dụng giao cho Công an xã 880m² để xây dựng trụ sở và sử dụng 600m² vào mục đích quy hoạch xây dựng đường giao thông nông thôn, diện tích còn lại là đất trống, ông B không có nhu cầu sử dụng.

Từ các căn cứ trên, UBND tỉnh Đ đã quyết định giữ nguyên hiện trạng diện tích 120m², thuộc một phần thửa 1971, tờ bản đồ 01, xã C cho bà Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng. Quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Đến ngày 05/01/2012 đại diện các cơ quan Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh, Thanh tra huyện T, UBND xã C, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T tiến hành đo đạc đất diện tích 120m² theo quyết định của UBND tỉnh Đ năm 2001 để giao cho bà sử dụng. Đến ngày 28/4/2012 thì UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với diện tích 120m², thửa 4196, tờ bản đồ số 1.

Như vậy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 120m² là căn cứ vào Quyết định của UBND tỉnh Đ đã có hiệu lực pháp luật. Việc cấp quyền sử dụng đất cho bà là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật Đất đai.

Do đó, bà không đồng ý yêu cầu khiếu kiện của bà Phạm Thị Hồng Ch về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên Quyết định 279 và công văn số 59/UBND-TCD ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện T cho rằng việc cấp đất cho bà Th là thực hiện theo Quyết định 279 của UBND tỉnh Đ. Vì vậy, UBND huyện T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét giải quyết giữ y Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU270018 được cấp ngày 28/4/2012 của bà Nguyễn Thị Th, diện tích 120m².

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a, khoản 2 Điều 116, khoản 1 điều 158, Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm a, điểm c khoản 2 Điều 38 Luật Đất đai năm 1993;

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng Ch đối với yêu cầu hủy Quyết định số 279/QĐ-UB ngày 18/6/2001 của UBND tỉnh Đ về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Th với bà Phạm Thị Hồng Ch; Công văn số 59/UBND-TCĐ ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc trả lời khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng Ch và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Th số BU270018 do UBND huyện T cấp ngày 28/4/2012, diện tích 120m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá, về nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, bà Phạm Thị Hồng Ch kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Hồng Ch trình bày: Giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định 279 của UBND tỉnh Đ; Công văn số 59/UBND-TCĐ ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU270018 của bà Nguyễn Thị Th. Bà yêu cầu UBND huyện T cấp quyền sử dụng đất diện tích 70m² (vị trí giáp lộ làng - cặp ranh đất 200m² đã trả lại cho bà trước đây) như đã hứa với bà tại phiên làm việc vào ngày 15/11/2006 tại trụ sở UBND huyện.

Luật sư Phan Duy V trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không phù hợp, khách quan vì chỉ sử dụng tài liệu đo đạc đã có UBND tỉnh Đ mà không tiến hành xác minh, đo đạc lại vì thực tế hiện nay khu đất tranh chấp đã có nhiều thay đổi (hiện nay không còn con mương cũ). Về diện tích 120m² đất tranh chấp này trước đây đã được giải quyết bằng Quyết định số 231/QĐ-UB và số 235/QĐ-UB ngày 31/10/1996 và Quyết định số 370/QĐ-UB ngày 28/6/2000 của UBND huyện T, theo đó phần đất được trả cho ông B (cha bà Ch) và bà Ch, nên việc UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định 279 là không đúng pháp luật. Việc UBND huyện T lấy đất của ông B chỉ là nói miệng, không ra Quyết định cụ thể nên không có giá trị pháp lý. Từ các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định 279, Hủy Công văn số 59/UBND-TCĐ ngày 21/3/2018

của Chủ tịch UBND tỉnh Đ và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU270018 của bà Nguyễn Thị Th.

Ông Huỳnh Văn Ng trình bày: Phía Chủ tịch UBND tỉnh Đ vẫn giữ quan điểm như tại phiên tòa sơ thẩm đã trình bày : Giữ nguyên Quyết định 279, Công văn số 59/UBND-TCD của Chủ tịch UBND tỉnh Đ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU270018 của bà Nguyễn Thị Th. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác kháng cáo của bà Phạm Thị Hồng Ch, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc chấp hành theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử, các đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Phạm Thị Hồng Ch. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng Ch về việc hủy Quyết định 279 và Công văn số 59/UBND-TCD ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Th số BU270018 do UBND huyện T cấp ngày 28/4/2012, diện tích 120m². Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo, nghĩa vụ tạm ứng án phí đương sự kháng cáo đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] bà Ch khởi kiện yêu cầu:

[2.1.1] Hủy Quyết định số 279/QĐ-UB ngày 18/6/2001 của UBND tỉnh Đ.

[2.1.2] Công văn số 59/UBND-TCD ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

[2.1.3] Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Th số BU270018 được UBND huyện T cấp ngày 28/4/2012.

[2.2] Đối với Quyết định số 279/QĐ-UB ngày 18/6/2001 và Công văn số 59/UBND-TCD ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ giải quyết những vấn đề khiếu nại của bà Th như sau:

+ Giải quyết về tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Ch (đại diện cho ông B) với bà Th (đại diện cho ông T) đối với diện tích 120m² đất thuộc một phần thửa 1971, tờ bản đồ 01, xã C, huyện T, tỉnh Đ.

+ Không chấp nhận việc bà Ch khiếu nại yêu cầu công nhận 480m² để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Không chấp nhận việc bà Ch yêu cầu được giao diện tích 70m² đất như Chủ tịch UBND huyện T đã hứa cấp cho bà Ch trước đây.

[2.3] Xét kháng cáo của bà Ch:

[2.3.1] Theo các biên bản ngày 13/01/1995, 13/04/1995, 05/05/1995 và các Quyết định 231/QĐ-UB, 234/QĐ-UB, 235/QĐ-UB, 236/QĐ-UB...có các nội dung như sau:

- Xác định nguồn gốc đất 480m² thuộc thửa 1971, tờ bản đồ 01, xã C, huyện T, tỉnh Đ là của gia đình ôngPhạm Văn B (cha của bà Ch) được chế độ cũ cấp từ năm 1959 và khai phá thêm qua quá trình sử dụng. Đến năm 1977, do chiến tranh biên giới Tây Nam nên gia đình ông B mới lánh đi nơi khác, đến năm 1980 trở về thì đã bị quy hoạch làm Ủy ban nhân dân, làm đường lộ và bị gia đình ôngNguyễn Văn T (cha của bà Th) lấn chiếm.

- Các biên bản này thể hiện ông T yêu cầu được sử dụng đất lấn chiếm và đồng ý bồi hoàn thành quả cho ông B, nhưng do mức bồi hoàn thấp nên ông Bình không đồng ý và tiếp tục khiếu nại đòi lại quyền sử dụng đất.

- Đối với diện tích đất của ông T được cấp trước giải phóng thì ông T đã chuyển nhượng hết cho người khác. Còn phần đất ông T đang sử dụng là do được UBND xã cấp 678m², sau đó được ban lãnh đạo áp cho thuê 104m².

- Tuy nhiên, Quyết định279/QĐ-UB ngày 18/6/2001 của UBND tỉnh Đkhông xem xét các chứng cứ nêu trên mà cho rằng đất tranh chấp 120m² là củaông B và ông T đều được chế độ cũ cấp mà không xem xét các chứng cứ nêu trên là không chính xác.

[2.3.2] Theo bản vẽ kèm theo biên bản ngày 13/01/1995 thì diện tích đất của cụ Bính bị thu hồi 880m², diện tích đất tranh chấp với cụ Tường 120m² và diện tích đất còn lại giáp lộ dự kiến mở 300m² đều có ghi kích thước rõ ràng, bản vẽ và biên bản đều có đóng dấu của UBND xã C. Tuy nhiên, Quyết định 279/QĐ-UB của UBND tỉnh Đkhông xem xét bản vẽ kèm theo biên bản ngày 13/01/1995 mà đã xác địnhông B có mở rộng thêm đất nhưng không xác định rõ diện tích là không có căn cứ. Hơn nữa, theo bản vẽ ngày 13/01/1995 thì phần đất tranh chấp giữa ông B với ông T là hình chữ nhật (4x30m), nhưng trong quá trình các cơ quan có thẩm quyền thực hiện Quyết định 279 giao đất cho bà Th thì bản vẽ ngày 05/01/2012 là hình thang; bản vẽ ngày 06/07/2012 là hình tam giác; bản vẽ ngày 19/01/2015 khác tất cả các bản vẽ trước đây.

[2.3.3] Đối với các biên bản và bản vẽ ngày 13/01/1995, ngày 03/04/1995, ngày 05/05/1995, ngày 03/01/2001, ngày 05/01/2012, ngày 06/07/2012, ngày 19/01/2015 là những chứng cứ rất quan trọng để làm căn cứ xác định quyền sử

dụng đất tranh chấp là của ai. Tuy nhiên, các văn bản này và một số chứng cứ khác chỉ là bản photo nhưng không có công chứng, chứng thực hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền là chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật về thu thập chứng cứ.

Các phiên tòa phúc thẩm trước, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị hoãn phiên tòa để cung cấp bản chính các biên bản, bản vẽ nêu trên hoặc bản có công chứng, chứng thực hợp pháp. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất ngày 07/6/2020, lần thứ hai ngày 08/7/2020 và đây là lần thứ ba đề phía người bị kiện cung cấp thêm những chứng cứ này. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày vẫn không cung cấp được các chứng cứ này và cho rằng đã gửi bằng đường bưu điện cho Tòa án. Nhưng khi Hội đồng xét xử yêu cầu cung cấp căn cứ các chứng cứ đã được gửi bằng đường bưu điện thì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đ và UBND huyện T cũng không cung cấp được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa để xét xử vụ án.

[2.3.4] Mặt khác, diện tích đất 120m² tranh chấp theo bản vẽ trước đây có nhiều khác biệt, mâu thuẫn với bản vẽ sau khi ban hành Quyết định 279. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải làm rõ các chứng cứ này để xác định cụ thể phần đất 120m² tranh chấp giữa bà Ch với gia đình bà Th ở vị trí nào có phù hợp với vị trí đất giao cho bà Th theo Quyết định 279 hay không? Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập những chứng cứ này là thiếu sót. Hơn nữa, ngoài phần đất tranh chấp 120m² này thì gia đình bà Ch còn khiếu nại yêu cầu được cấp GCNQSD đối với 300m² đất mà UBND huyện T cho rằng thuộc đất hành lang lộ giới.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, nhưng đã tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà Ch là chưa đủ căn cứ vững chắc.

[2.5] Xét thấy, các thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm không thể khắc được phục tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị Hồng Ch không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 luật Tổ tụng hành chính 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Huỷ toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Chuyển hồ sơ cho Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị Hồng Ch không phải chịu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu VP(3), HS(2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huỳnh